| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CƯ KUIN**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số:02/2022/HNGĐ-ST
Ngày 18/02/2022
*"V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lê Lợi

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Thiện - Nghề nghiệp: Giáo viên

2. Ông Bạch Đình Ca - Nghề nghiệp cán bộ hưu trí

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Thanh Loan, Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Kuin.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:* Ông Trần Đình Phương C/v Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021, về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Ông Ngũ Hoàng N, sinh năm 1990
Trú tại: Thôn 8, xã E, huyện C, tỉnh Đ (có mặt)
*** Bị đơn**: Bà Lê Thị Thoa, sinh năm 1987.
Trú tại: Thôn 8, xã E, huyện C, tỉnh Đ (có mặt)
Địa chỉ liên hệ: Số 16 đường Am, phường T, Tp B, tỉnh Đ (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Ngũ Hoàng N trình bày:*

Tôi và bà Lê Thị T tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và đăng ký kết hôn ngày 19/7/2013 tại UBND xã xã E, huyện C, tỉnh Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì chuyển vào sống tại thôn 8, xã xã E, huyện C, tỉnh Đ. Đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến cãi vã nhau thường xuyên, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có tình yêu thương, mục đích hôn nhân không đạt được

nên tôi yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với bà Lê Thị T

Về con chung: Tôi và bà T có 01 con chung là cháu Ngũ Ngọc H, sinh ngày 27/11/2016. Trước đây cháu H ở chung với chúng tôi, nhưng sau khi ly thân thì bà T thường dắt con đi nhiều nơi, làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu, nên tôi đã dẫn cháu về ở với tôi, nguyện vọng của tôi là được nuôi dưỡng cháu H đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** *Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị T trình bày:*

Tôi và ông Ngũ Hoàng N yêu thương tự nguyện, tìm hiểu và đăng ký kết hôn như ông Ngọ trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cãi vã nhau nguyên nhân do ông N ngoại tình với người phụ nữ khác nên không thể tiếp tục sống chung. Đến nay giữa hai bên không còn yêu thương nhau, cũng không còn tình cảm, nay ông N làm đơn xin ly hôn thì tôi cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trước đây cháu H ở chung với ông N và tôi nhưng sau khi ly thân cháu H ở với tôi, thời gian gần đây bận công việc nên có gửi cháu H cho dì của tôi chăm sóc cháu. Sau đó ông N dẫn cháu H về nhà nuôi và ở với ông N cho đến nay. Nếu tòa án giải quyết cho chúng tôi ly hôn, thì tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Ngũ Ngọc H và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin trình bày quan điểm như sau:**

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngũ Hoàng N.

Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Ngũ Hoàng N và bà Lê Thị T

Về con chung: Do bà Lê Thị T chưa cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh có đủ diều kiện nuôi con nên đề nghị ngừng phiên tòa để cung cấp tài liệu chứng cứ.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:*

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xác định quan hệ pháp luật là vụ án "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" có bị đơn cư trú tại huyện Cư Kuin nên thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung: Ông Ngũ Hoàng N và bà Lê Thị T chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E vào ngày 19/7/2013. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét tình trạng hôn nhân giữa ông Ngũ Hoàng N và bà Lê Thị T chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, về phía bà T cho rằng ông N ngoại tình vời người phụ nữ tên Như (không rõ họ) địa chỉ: Huyện H, tỉnh BĐ (địa chỉ cụ thể cung cấp sau) hiện tại vợ chồng sống ly thân nhau. Nay ông Ngũ Hoàng N làm đơn xin ly hôn phía bà Lê Thị T đồng ý nên Hội đồng xét xử cần công nhận thuận tình ly hôn.

[3]. Về con chung: Ông Ngũ Hoàng N và bà Lê Thị T có 01 con chung là cháu Ngũ Ngọc H, sinh ngày 27/11/2016. Hiện cháu đang ở chung với ông N. Cả ông N và bà T đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu H đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy hiện nay cháu Ngũ Ngọc H đang ở ổn định với ông Ngũ Hoàng N. Cháu được ông N yêu thương chăm sóc, nuôi dưỡng, cho đi học như nhưng đứa trẻ khác, không bị đánh đập ngược đãi. Ông Ngũ Hoàng N hiện là giám đốc kinh doanh, đang công tác tại Công ty TNHHĐT & PT Bất động sản Thành Đạt địa chỉ: số 17C đường L, phường H, Tp T, tỉnh BD, với mức lương 35.000.000 đồng/tháng, có đất và nhà ở ổn định tại Thôn 8, xã E, huyện C nên đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu Ngũ Ngọc H nên cần giao cháu Ngũ Ngọc H cho ông Ngũ Hoàng N tiếp tục nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Về phía bà Lê Thị T cho rằng đủ điều kiện nuôi con, vì hiện nay bà đang làm chủ tiệm Spa tại tỉnh BD với mức thu nhập 35.000.000 đồng/tháng, nhưng quá trình tham gia tố tụng bà T không cung cấp chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh bà Lê Thị T đang làm chủ tiệm Spa, có thu nhập như bà Thoa trình bày là không cần thiết, làm chậm tiến độ giải quyết vụ án. Bởi lẽ sau khi dừng phiên tòa thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh bà Lê Thị T cũng có thu nhập, có đủ điều kiện nuôi con chung như ông Ngũ Hoàng N, thì hiện nay cháu Ngũ Ngọc H đang ở với ông N và được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì cũng cần để ổn định cuộc sống cho cháu, tránh xáo trộn gây ảnh hưởng tâm lý trẻ thơ, khó khăn cho công tác thi hành án nên tiếp tục giao cháu cho ông N nuôi dưỡng là đúng.

[5]. Về án phí: Ông Ngũ Hoàng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51; 55; 81; khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngũ Hoàng N.

[1]. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Ngũ Hoàng N và bà Lê Thị T.

[2]. Về con chung: Giao cháu Ngũ Ngọc H, sinh ngày 27/11/2016 cho ông Ngũ Hoàng N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Bà Lê Thị T được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Ông Ngũ Hoàng N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 60AA/2021/0001991 ngày 06/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
-THADS huyện Cư Kuin;
- UBND xã Ea Tiêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**LÊ LỢI**